

Chi tiết mã HS 7011.10.90

Mã HS	7011.10.90
Mô tả hàng hóa	Vỏ bóng đèn thủy tinh (kể cả bóng dạng bầu và dạng ống), dạng hở, và các bộ phận bằng thủy tinh của vỏ bóng đèn, chưa có các bộ phận lắp ghép, dùng cho đèn điện và các nguồn sáng, ống đèn tia ca-tốt hoặc các loại tương tự / - Dùng cho đèn điện: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 15:48:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70111090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10518
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10518
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10518
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	3,1	3,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	3,1	3,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.5	17,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10002
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9953
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9953
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9953
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9953
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9953
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9953
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E10005
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10005

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10005
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10005
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10005
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10005
VJEPa	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E10006
VJEPa	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F10006
VJEPa	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10006
VJEPa	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10006
VJEPa	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10006
VJEPa	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10006
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10007
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9959
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9965
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9965
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9965
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9965
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9965
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9965
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9990
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9990
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9990
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9990
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9990
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9990
VCFTA	2022	2022	5	VC!D10037
VCFTA	2023	2023	2	VC!E10037

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10037
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10037
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10037
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10037
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10028
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10028
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10028
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10028
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10028
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10028
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D10028
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E10028
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F10028
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G10028
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H10028
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10028
EVFTA	2022	2022	15,6	EV-NK!D10039
EVFTA	2023	2023	12,5	EV-NK!E10039
EVFTA	2024	2024	9,3	EV-NK!F10039
EVFTA	2025	2025	6,2	EV-NK!G10039
EVFTA	2026	2026	3,1	EV-NK!H10039
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10039
UKVFTA	2022	2022	15,6	UKV!D10038
UKVFTA	2023	2023	12,5	UKV!E10038
UKVFTA	2024	2024	9,3	UKV!F10038
UKVFTA	2025	2025	6,2	UKV!G10038

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	3,1	UKV!H10038
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10038
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9985
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9985
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9985
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9985
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9985
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9985
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9985
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10022
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10022
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10022
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10022
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10022
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10022
RCEP B	2022	2022	0	B!D10022
RCEP B	2023	2023	0	B!E10022
RCEP B	2024	2024	0	B!F10022
RCEP B	2025	2025	0	B!G10022
RCEP B	2026	2026	0	B!H10022
RCEP B	2027	2027	0	B!I10022
RCEP C	2022	2022	0	C!D10022
RCEP C	2023	2023	0	C!E10022
RCEP C	2024	2024	0	C!F10022
RCEP C	2025	2025	0	C!G10022
RCEP C	2026	2026	0	C!H10022

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10022
RCEP D	2022	2022	0	D!D10021
RCEP D	2023	2023	0	D!E10021
RCEP D	2024	2024	0	D!F10021
RCEP D	2025	2025	0	D!G10021
RCEP D	2026	2026	0	D!H10021
RCEP D	2027	2027	0	D!I10021
RCEP E	2022	2022	0	E!D10025
RCEP E	2023	2023	0	E!E10025
RCEP E	2024	2024	0	E!F10025
RCEP E	2025	2025	0	E!G10025
RCEP E	2026	2026	0	E!H10025
RCEP E	2027	2027	0	E!I10025
RCEP F	2022	2022	0	F!D10022
RCEP F	2023	2023	0	F!E10022
RCEP F	2024	2024	0	F!F10022
RCEP F	2025	2025	0	F!G10022
RCEP F	2026	2026	0	F!H10022
RCEP F	2027	2027	0	F!I10022
VIFTA	2024	2024	22.5	VII!F9265
VIFTA	2025	2025	20	VII!G9265
VIFTA	2026	2026	17.5	VII!H9265
VIFTA	2027	2027	15	VII!I9265

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7011.10 có 2 dòng thuế; dòng 7011.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	7011.10.10 Trụ (stem) giữ dây tóc bóng đèn	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7011.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 7011.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10518), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.